

BỘ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 27/2002/QĐ-
BKHCNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành quy định về quản lý mẫu chuẩn
và mẫu chuẩn được chứng nhận*

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

*Căn cứ Điều 11 Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành Pháp lệnh Đo lường;*

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;*

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về quản lý mẫu chuẩn và mẫu chuẩn được chứng nhận".

Điều 2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Quy định

Về quản lý mẫu chuẩn và mẫu chuẩn được chứng nhận

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2002/QĐ-BKHCNMT

ngày 17 tháng 5 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

1. Quy định chung

1.1. Chứng nhận mẫu chuẩn là việc cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền xem xét, đánh giá và xác nhận mẫu chuẩn phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật và đo lường quy định.

1.2. Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) sản xuất hoặc nhập khẩu mẫu chuẩn để kiểm định phương tiện đo thuộc "Danh mục phương tiện đo phải kiểm định" phải đăng ký chứng nhận mẫu chuẩn với cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền.

1.3. Trường hợp mẫu chuẩn được cơ sở nhập khẩu để kiểm định phương tiện đo đã có giấy chứng nhận của tổ chức nước ngoài đã có sự thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam về các kết quả đo lường và thử nghiệm thì được miễn việc chứng nhận mẫu chuẩn, nhưng phải thông báo việc nhập khẩu mẫu chuẩn cho cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại phụ lục 5).

1.4. Trường hợp mẫu chuẩn được cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu chỉ để phục vụ trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh của cơ sở, thì không phải thực hiện việc chứng nhận mẫu chuẩn; nhưng phải thông báo việc sản xuất, nhập khẩu mẫu chuẩn cho cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại phụ lục 6).

1.5. Căn cứ để xem xét, đánh giá chứng nhận mẫu chuẩn là Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), các Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ĐLVN) hoặc tiêu chuẩn của tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO) và các tổ chức quốc tế khác, các khuyến nghị của Tổ chức đo lường pháp quyền quốc tế (OIML) đối với loại mẫu chuẩn đó.

1.6. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) là cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền tổ chức việc chứng nhận mẫu chuẩn, quản lý mẫu chuẩn và mẫu chuẩn được chứng nhận.

1.7. Các thuật ngữ: mẫu chuẩn; mẫu chuẩn được chứng nhận; giấy chứng nhận mẫu chuẩn; mẫu; lô mẫu chuẩn sử dụng trong quy định này được hiểu theo quy định tại phụ lục 1.

2. Thủ tục chứng nhận mẫu chuẩn

2.1. Hồ sơ chứng nhận mẫu chuẩn

2.1.1. Hồ sơ đăng ký chứng nhận mẫu chuẩn sản xuất trong nước gồm:

- a) Đăng ký chứng nhận mẫu chuẩn (theo mẫu quy định tại phụ lục 2);
- b) 02 bản thiết kế tổng thể của mẫu chuẩn;
- c) 02 bản tài liệu về yêu cầu kỹ thuật và đo lường của mẫu chuẩn;
- d) 02 biên bản và kết quả thử nghiệm mẫu chuẩn do cơ sở tổ chức thực hiện (nếu có);

2.1.2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận mẫu chuẩn nhập khẩu gồm:

- a) Đăng ký chứng nhận mẫu chuẩn (theo mẫu quy định tại phụ lục 2);
- b) 02 bản tài liệu về yêu cầu kỹ thuật và đo lường của mẫu chuẩn;
- c) 02 biên bản và kết quả thử nghiệm mẫu chuẩn do cơ sở tổ chức thực hiện (nếu có);

2.2. Xử lý hồ sơ.

2.2.1.Căn cứ vào hồ sơ và kết quả thử nghiệm đã thực hiện tại cơ sở, nếu đã đúng theo yêu cầu quy định tại mục 3 của Quy định này, Tổng cục xem xét, quyết định chứng nhận mẫu chuẩn.

2.2.2.Trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu chưa đúng với yêu cầu quy định tại mục 3 của Quy định này, Tổng cục chỉ định tổ chức nói tại điểm 3.1 thực hiện việc thử nghiệm, đánh giá mẫu của loại mẫu chuẩn đó. Căn cứ vào kết quả thử nghiệm, Tổng cục xem xét, quyết định chứng nhận mẫu chuẩn.

2.3.Quyết định chứng nhận mẫu chuẩn nêu rõ: tên cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu; tên, ký hiệu, đặc trưng kỹ thuật và đo lường của chính mẫu chuẩn.

Quyết định chứng nhận mẫu chuẩn được gửi cho cơ sở và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2.4.Mẫu của mẫu chuẩn và lô mẫu chuẩn sản xuất, nhập khẩu đã được chứng nhận được mang dấu hiệu chứng nhận mẫu chuẩn. Hình thức, nội dung của dấu hiệu chứng nhận mẫu chuẩn theo mẫu quy định tại phụ lục 3.

Hai bộ tài liệu của mẫu chuẩn đã được chứng nhận sẽ được xác nhận bằng Quyết định của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và mang dấu hiệu chứng nhận mẫu chuẩn. Một bộ lưu tại Tổng cục, một bộ lưu tại cơ sở.

Mẫu sau khi chứng nhận được lưu ký tại cơ sở.

3. Thử nghiệm để chứng nhận mẫu chuẩn.

3.1.Việc tiến hành các phép đo, thử nghiệm để xác định các đặc trưng kỹ thuật và đo lường của mẫu chuẩn phải được thực hiện tại các phòng hiệu chuẩn, phòng thử nghiệm được công nhận, tổ chức đã được công nhận khả năng kiểm định hoặc tổ chức do Tổng cục chỉ định (gọi chung là tổ chức thử nghiệm).

3.2.Căn cứ vào các yêu cầu của văn bản kỹ thuật và đo lường quy định tại mục 1.5 của Quy định này, tổ chức thử nghiệm xây dựng chương trình thử nghiệm (theo mẫu quy định tại phụ lục 4) và thực hiện thử nghiệm mẫu chuẩn theo chương trình đã xây dựng.

3.3.Kết quả thử nghiệm để chứng nhận mẫu chuẩn phải là kết quả của ít nhất 03 mẫu; trường hợp đặc biệt, có thể ít hơn và được Tổng cục cho phép.

3.4.Kết quả thử nghiệm được ghi trong các biên bản thử nghiệm. Nội dung và hình thức của biên bản thử nghiệm phải được trình bày theo các văn bản kỹ thuật và đo lường quy định tại mục 1.5 của Quy định này.

4. Điều khoản thi hành.

Khi mẫu chuẩn đã được chứng nhận có những cải tiến làm thay đổi đặc trưng kỹ thuật, đo lường so với mẫu đã được chứng nhận thì cơ sở phải làm lại thủ tục chứng nhận mẫu chuẩn./.

Phụ lục 1

Các thuật ngữ về mẫu chuẩn

1. Mẫu chuẩn

Mẫu chuẩn là chất hoặc vật liệu mà một hay nhiều giá trị về thành phần hoặc tính chất của nó đã được xác định về tính đồng nhất và độ chính xác để kiểm định/hiệu chuẩn phương tiện đo, đánh giá phương pháp đo hoặc để ấn định giá trị về thành phần hoặc tính chất của vật liệu hoặc chất khác.

2. Mẫu chuẩn được chứng nhận

Mẫu chuẩn được chứng nhận là mẫu chuẩn có kèm theo giấy chứng nhận trong đó có một hay nhiều giá trị về thành phần và tính chất của nó được chứng nhận theo một thủ tục xác định nhằm thiết lập sự liên kết giữa chúng với việc thể hiện chính xác các đơn vị dùng để biểu thị giá trị về thành phần hoặc tính chất và mỗi giá trị được chứng nhận này có kèm theo độ không đảm bảo đo cụ thể (Điều 10 Nghị định 06/2002/NĐ-CP).

3. Giấy chứng nhận mẫu chuẩn

Tài liệu kèm theo mẫu chuẩn cho biết giá trị và độ không đảm bảo của một hay nhiều thành phần hoặc tính chất và xác nhận rằng các thủ tục cần thiết đã được thực hiện để đảm bảo hiệu lực và tính liên kết chuẩn của các giá trị đó. Giấy chứng nhận mẫu chuẩn là sự đảm bảo về chất lượng và là sự hướng dẫn sử dụng mẫu chuẩn.

4. Mẫu

Mẫu là một hay một số đơn vị mẫu chuẩn được lấy từ tổng thể mẫu chuẩn để cung cấp thông tin về tổng thể mẫu chuẩn và được dùng làm cơ sở để có những quyết định về tổng thể mẫu chuẩn hay quá trình sản xuất ra tổng thể mẫu chuẩn đó.

5. Lô

Lô mẫu chuẩn là một lượng mẫu chuẩn xác định được sản xuất trong cùng điều kiện./

Phụ lục 2

Tên cơ sở Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam

Số:.... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Về việc Chứng nhận mẫu chuẩn ban đầu sản xuất trong nước nhập khẩu

....., ngày tháng năm

200..

Đăng ký chứng nhận mẫu chuẩn

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tên cơ sở.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax.....E-mail.....

Đề nghị Tổng cục chứng nhận mẫu chuẩn sản xuất trong nước/nhập khẩu sau đây: